

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày: 16-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Mỹ Trang**

Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hoàng Cúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Bà **Dương Thị Ngọc Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH F**

Trụ sở: Tầng 2, Ree Tower, Số 9, đường Đ, Phường Z, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà **Lương Hoàng Y** – chức vụ: Trưởng phòng Tổ tụng.

Theo văn bản ủy quyền số 41 và 42/UQ-XLTD.22, ngày 18/3/2022.

Đại diện tham gia tố tụng của bà Y: Công ty luật TNHH MTV Đ1.

Theo văn bản ủy quyền số 17/UQ-XLTD.22, ngày 09/5/2022.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Anh **Đình Văn P** – chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: F2-73, đường N1, khu vực TT, phường P1, quận C1, thành phố Cần Thơ.

Theo văn bản ủy quyền số 47/UQTT.DLO.2022, ngày 04/8/2022.

*** Bị đơn: Trương Thị N**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn anh Đinh Văn P trình bày: Nguyên vào ngày 11/02/2020, Công ty tài chính TNHH F (sau đây gọi tắt là Công ty), có ký đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 2200212-7985134 với bà Trương Thị N, theo hợp đồng Công ty cho bà N vay số tiền 53.750.000 đồng (trong đó số tiền vay là 50.000.000 đồng, tiền bảo hiểm khoản vay là 3.750.000 đồng) với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền gốc, lãi là 75.396.515 đồng trong vòng 24 tháng; trong 23 tháng đầu, mỗi tháng bà N phải trả số tiền 3.173.514 đồng, tháng cuối phải trả số tiền 2.405.693 đồng; ngày bắt đầu thanh toán gốc, lãi đầu tiên là ngày 05/3/2020.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho công ty được 6 lần vào các kỳ 1, 2, 3, 4, 6, 7 với tổng số tiền 19.114.056 đồng. Kể từ ngày 06/9/2020 đến nay, bà N không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà N trễ hạn thanh toán và đến nay đã đến hạn tất toán khoản vay nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Công ty yêu cầu bà N thanh lý hợp đồng một lần cho công ty toàn bộ dư nợ hiện có gồm: nợ gốc tính đến ngày 05/02/2022 là 43.173.990 đồng, nợ lãi đến ngày 05/02/2022 là 13.108.469 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 56.282.459 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn bà Trương Thị N biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên hôm nay anh Đinh Văn P đại diện cho Công ty trình bày: vẫn bảo lưu ý kiến trên và vẫn yêu cầu bà N trả số tiền gốc lãi cho Công ty là 56.282.459 đồng (trong đó: nợ gốc là 43.173.990 đồng, nợ lãi đến ngày tất toán hợp đồng - ngày 05/02/2022 là 13.108.469 đồng), không yêu cầu trả lãi tiếp.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH F. Buộc bà Trương Thị N trả cho Công ty số tiền gốc, lãi là 56.282.459 đồng. Về án phí: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Vào ngày 11/02/2020, bà Trương Thị N có ký hợp đồng

tín dụng số 2200212-7985134 với Công ty tài chính TNHH F vay số tiền 53.750.000 đồng (với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền gốc, lãi là 75.396.515 đồng. Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty được 6 lần vào các kỳ 1, 2, 3, 4, 6, 7 với tổng số tiền 19.114.056 đồng; kể từ ngày 06/9/2020 đến nay, bà N không thanh toán cho Công ty số tiền nào, hiện còn nợ số tiền gốc, lãi là 56.282.459 đồng, nên Công ty yêu cầu bà N trả số tiền 56.282.459 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

Do đó, xét việc Công ty yêu cầu bà N phải trả cho Công ty số tiền 56.282.459 đồng (trong đó: nợ gốc 43.173.990 đồng, nợ lãi là 13.108.469 đồng), không yêu cầu tính lãi tiếp là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc phải trả cho Công ty tài chính TNHH F, án phí: $5\% \times 56.282.459 \text{ đồng} = 2.814.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH F.

Buộc bà Trương Thị N có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH F số tiền gốc, lãi là 56.282.459 đồng (trong đó nợ gốc 43.173.990 đồng, nợ lãi là 13.108.469 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: buộc bà Trương Thị N phải nộp 2.814.000 đồng (Hai triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty tài chính TNHH F số tiền tạm ứng án phí 1.407.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số N⁰ 0007229 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- CC THA DS huyện M;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám